TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ---------=---------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST ngày 08/9/2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thị xã G, tỉnh Đăk Nông.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/6/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thể hiện:

1. Về hôn nhân: Ngày 28/12/2009 chị có Đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn K tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống với bố mẹ anh K ở thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi lẫn nhau. Do vậy, chỉ sau 03 tháng chung sống chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã G, tỉnh Đăk Nông sinh sống. Từ đó vợ chồng chị đã chính thức sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Chị T xác định chị và anh K không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định nhưng anh Nguyễn Văn K không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Văn K không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã P thì thời điểm chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K, anh K vẫn đang sinh sống cùng bố mẹ anh K tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2017 của bố đẻ anh K là ông Nguyễn Văn K, ông K cũng xác định hiện anh K vẫn đang sinh sống cùng gia đình ông. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N ông K đã thông báo cho anh K nhưng anh K không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện N vẫn thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa ngày 28/9/2017, anh K vắng mặt không có lý do, chị T vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

2. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh K sống cùng với bố mẹ anh K ở thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T, anh K chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Do vậy, chỉ sau 03 tháng chung sống chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã G, tỉnh Đăk Nông sinh sống. Từ đó, vợ chồng chị T, anh K chính thức sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền tạm ứng án ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000474 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

PHẠM THANH TÙNG